

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ QUYẾT số 156-HĐBT ngày 30-11-1984 về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Hội đồng Bộ trưởng quyết định về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh như sau :

I. VỀ SẮP XẾP VÀ TỌ CHỨC LẠI SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Sắp xếp lại sản xuất.

Việc sắp xếp lại công nghiệp phải bảo đảm sự phát triển theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước và nhằm xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý; phát huy thế mạnh của các ngành, các vùng, các địa phương, nhất là các khu công nghiệp tập trung; kết hợp chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo; tập trung được mọi khả năng vào việc thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước, tạo nên thế cân đối tích cực và chủ động; lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong sản xuất — kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng cơ chế quản lý mới để đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Phải xuất phát từ tình hình kinh tế chung và tình hình công nghiệp, từ đường lối kinh tế của Đảng và Nhà nước mà sắp xếp lại theo từng ngành kinh tế — kỹ thuật xuyên suốt trong cả nước, bao gồm các xí nghiệp trung ương và địa phương, các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế;

kết hợp chặt chẽ ngành với vùng lãnh thổ và địa phương. Sự sắp xếp lại bao gồm các mặt sắp xếp lại sản phẩm, điều chỉnh mặt hàng để đáp ứng nhu cầu kinh tế — xã hội, sắp xếp lại cơ sở sản xuất, sắp xếp lại công nghệ và thiết bị, chú ý đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất, sắp xếp lại lực lượng lao động, sắp xếp lại các thành phần kinh tế trong công nghiệp kết hợp với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong sản xuất và lưu thông để bảo đảm vai trò lãnh đạo của kinh tế quốc doanh.

Trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất, để tận dụng năng lực hiện có và những năng lực mới bổ sung một cách có hiệu quả nhất, thực hành tiết kiệm triệt để (trước hết là tiết kiệm điện, xăng dầu, than, nguyên liệu...), ngay từ đầu năm 1985, kế hoạch Nhà nước phải tập trung các điều kiện sản xuất chủ yếu cho các sản phẩm trọng yếu phục vụ sản xuất, xuất khẩu, đời sống, quốc phòng, các sản phẩm tạo ra nguồn thu quan trọng cho ngân sách; phải dành ưu tiên cho các xí nghiệp quốc doanh sản xuất các sản phẩm đó, trước hết là các xí nghiệp có sản lượng lớn và có hiệu quả kinh tế cao. Hội đồng Bộ trưởng quyết định danh mục sản phẩm trọng yếu và các xí nghiệp được ưu tiên trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân; các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xác định các sản phẩm trọng yếu và các xí nghiệp được ưu tiên trong phạm vi ngành, địa phương theo khả năng cân đối của mình.

Đối với các xí nghiệp không thuộc diện ưu tiên, Bộ chủ quản, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, tăng cường quan hệ hợp

tác, mở rộng liên kết liên doanh để tìm thêm nguồn nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tận dụng có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có và tiến lên phát triển sản xuất khi có điều kiện. Tận dụng năng lực thiết bị hiện có để sản xuất những mặt hàng mới mà xã hội có nhu cầu bằng những nguồn nguyên liệu, vật liệu mới.

Những cơ sở mà trước mắt cũng như lâu dài chưa có điều kiện sản xuất, những cơ sở lỗ kéo dài mà không thuộc diện chính sách phải duy trì sản xuất thì tích cực chuyển sang những ngành sản xuất có điều kiện và có hiệu quả, kiên quyết giải thể những cơ sở vừa qua phát triển tự phát, không có hiệu quả kinh tế và gây tác hại về kinh tế.

Tập trung chỉ đạo đề sắp xếp xong trong năm 1985 các ngành chủ yếu, các địa bàn trọng điểm (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phú, Bắc Thái, Quảng Nam — Đà Nẵng, Đồng Nai).

2. Tò chức lại sản xuất.

a) Nhiệm vụ hàng đầu trước mắt của các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố là xây dựng các cơ sở sản xuất thành những đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

Muốn vậy, trên cơ sở xác định đúng đắn phương hướng sản xuất, cơ cấu mặt hàng, phương án sản phẩm, các cơ sở sản xuất phải chủ động tò chức lại sản xuất một cách thích ứng để bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

Tùy theo yêu cầu của việc kết hợp các khâu sản xuất và chế biến nguyên liệu, kết hợp các quá trình công nghệ để tạo

ra thành phẩm, sử dụng tổng hợp nguyên liệu, có thể tò chức các xí nghiệp độc lập hoặc các xí nghiệp liên hợp. Trong điều kiện nước ta hiện nay, cùng với việc củng cố các xí nghiệp độc lập đang là hình thức chủ yếu, cần chú ý mở rộng việc tò chức các xí nghiệp liên hợp nếu có đủ các căn cứ kinh tế — kỹ thuật và nếu xét có hiệu quả kinh tế rõ rệt, nhất là các xí nghiệp liên hợp công — nông nghiệp, công — lâm nghiệp, công — ngư nghiệp...

b) Xây dựng những liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh cần thiết đi đôi với việc xây dựng các ngành kinh tế kỹ thuật.

Tò chức thí điểm những liên hiệp khoa học — sản xuất ở những nơi có điều kiện.

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Bộ chủ quản được quy định trong nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 và chức năng của liên hiệp các xí nghiệp, của xí nghiệp như quy định trong điều lệ liên hiệp các xí nghiệp, điều lệ xí nghiệp; tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ tài chính và tính chủ động sáng tạo của xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp. Các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước (Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh) làm đúng chức năng quản lý Nhà nước của mình, không can thiệp vào công việc điều hành sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

Các Bộ quản lý căn cứ vào tinh thần nói trên để củng cố các liên hiệp xí nghiệp hiện có, lập các liên hiệp xí nghiệp mới xét thấy cần thiết, kiên quyết xóa bỏ những liên hiệp các xí nghiệp không đúng yêu cầu và chỉ hoạt động một cách hình thức, không có hiệu quả thiết thực.

Về quy mô của liên hiệp các xí nghiệp, trong điều kiện hiện nay, chủ yếu là tò

chức liên hiệp các xí nghiệp khu vực. Chỉ xây dựng các liên hiệp các xí nghiệp quy mô cả nước nếu có yêu cầu thiết thực và có đủ điều kiện. Ở những tỉnh, thành phố tập trung công nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất cùng ngành, có thể thành lập những liên hiệp các xí nghiệp quy mô tỉnh, thành phố của địa phương.

c) Đối với các ngành có nhiều thành phần kinh tế thì thành lập các *nhóm sản phẩm* do một xí nghiệp quốc doanh đầu đàn làm trưởng nhóm. Phạm vi của nhóm sản phẩm chủ yếu là vùng, tỉnh, thành phố hoặc quận, huyện có công nghiệp tương đối tập trung. Các cơ sở sản xuất trong nhóm sản phẩm cùng nhau bàn bạc việc khai thác các nguồn khả năng về nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng, phân công và hợp tác sản xuất, trao đổi và phổ biến kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý, giúp đỡ nhau khắc phục những khó khăn trong sản xuất.

d) Phát triển quan hệ hợp tác, liên kết, liên doanh nhằm cùng nhau hợp lực tạo thêm nguồn nguyên liệu, vật liệu, mở rộng đầu tư (nhất là đầu tư theo chiều sâu), áp dụng kỹ thuật mới, tổ chức các dịch vụ sản xuất, tận dụng năng lực hiện có và phát triển những năng lực sản xuất mới phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển của ngành, của địa phương và trên lãnh thổ.

Các hoạt động liên kết, liên doanh đều phải được ghi trong kế hoạch của các bên tham gia, và phải đưa vào hợp đồng kinh tế. Hợp đồng đó phải được gửi đến trọng tài kinh tế theo sự phân công, phân cấp trong lĩnh vực này.

e) Các Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố phải khẩn trương thực hiện việc

phân công, phân cấp quản lý gắn liền với sắp xếp và tổ chức lại sản xuất công nghiệp theo những chỉ thị, nghị quyết đã ban hành của Đảng và Nhà nước đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện cơ chế quản lý mới.

II. KẾ HOẠCH HÓA

a) Kế hoạch của xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, tổng công ty (sau đây gọi là xí nghiệp) là *một kế hoạch sản xuất—kỹ thuật—tài chính thống nhất* (bao gồm các bộ phận kế hoạch kinh tế, đời sống công nhân, viên chức và phúc lợi xã hội) do xí nghiệp phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân, viên chức và các tổ chức quần chúng, chủ động xây dựng lên trên cơ sở khai thác bổn nguồn khả năng, và dưới sự hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Kế hoạch của xí nghiệp phải được cân đối cả về hiện vật và giá trị, hai mặt kết hợp và thống nhất với nhau. Cùng với việc thông qua kế hoạch chính thức hàng năm cần có dự kiến kế hoạch của năm sau để bảo đảm sản xuất liên tục. Nhà nước tập trung cân đối những điều kiện vật chất chủ yếu (năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng, vận tải, dịch vụ...) cho các sản phẩm trọng yếu và những xí nghiệp được ưu tiên. Nhà nước giao các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh cho xí nghiệp trên cơ sở cân đối các điều kiện vật chất chủ yếu cụ thể đối với từng ngành sản xuất, bao gồm cả những điều kiện vật chất do trung ương hoặc do địa phương cung ứng, hoặc do các xí nghiệp tự tạo một cách ổn định để đưa vào cân đối kế hoạch.

Bằng các chính sách và đòn bẩy kinh tế như giá cả, lợi nhuận, tín dụng, tiêu

thụ sản phẩm, xuất nhập khẩu (quy định cụ thể ở phần chính sách kinh tế — tài chính). Nhà nước khuyến khích xí nghiệp khai thác các nguồn khả năng khác (của bản thân, tự liên kết, liên doanh với các tổ chức kinh tế khác, làm hàng xuất khẩu để nhập khẩu, vay vốn của ngân hàng, kể cả vay vốn ngoại tệ...) nhằm bổ sung cho nguồn vật tư của Nhà nước chưa cân đối đủ, đăng ký kế hoạch cao hơn con số hướng dẫn Nhà nước đưa xuống và thành chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh. Ngoài ra, xí nghiệp có thể tìm kiếm và khai thác những nguồn khả năng mới để sản xuất thêm sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh (kể cả sản phẩm chủ yếu và sản phẩm của sản xuất phụ).

b) Trình tự xây dựng kế hoạch.

1. Trong quý II năm trước, thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của xí nghiệp thông báo cho xí nghiệp:

— Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch của xí nghiệp năm tới (về hiện vật và về tài chính).

— Những số hướng dẫn về khả năng cung ứng vật tư, năng lượng dịch vụ và về tiêu thụ sản phẩm; các thông tin về tiêu chuẩn và định mức kinh tế — kỹ thuật.

— Các thông tin về thị trường trong nước và ngoài nước, về giá cả.

— Những tổ chức kinh tế có trách nhiệm cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

Xí nghiệp căn cứ vào các yêu cầu và con số hướng dẫn của cấp trên, vào nhu cầu thị trường, khả năng tiêu thụ và các nguồn vật tư mà chủ động liên hệ với

các đơn vị kinh tế khác bàn bạc và ký các hợp đồng kinh tế làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch.

2. Trong quý III năm trước, dựa vào con số hướng dẫn, vào những thông tin của cấp trên, những định mức kinh tế — kỹ thuật được duyệt, triển vọng khai thác các nguồn khả năng, các hợp đồng kinh tế dự định ký, xí nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính thống nhất của mình, trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

3. Chậm nhất là tháng 12 năm trước, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xét duyệt và giao cho xí nghiệp các chỉ tiêu pháp lệnh. Đối với những sản phẩm sản xuất ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, xí nghiệp chỉ cần báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp biết.

4. Trong quá trình thực hiện, xí nghiệp có thể bổ sung thêm kế hoạch và báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Trường hợp vì lý do khách quan, sau khi đã tìm mọi biện pháp khắc phục mà vẫn không có khả năng thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, thì xí nghiệp báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên để xin điều chỉnh vào đầu quý III của năm kế hoạch.

Sau khi đã giao kế hoạch, nếu cơ quan giao kế hoạch muốn thay đổi kế hoạch thì phải bàn với xí nghiệp và phải bảo đảm điều kiện vật chất cần thiết cho việc thực hiện.

c) Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh gồm có:

1. Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, trong đó ghi rõ phần cho xuất khẩu.

2. Sản phẩm giao nộp theo chủng loại, chất lượng do Nhà nước quy định và theo hợp đồng đã ký kết, trong đó ghi rõ phần cho xuất khẩu.

3. Mức giảm giá thành. Cụ thể là mức giảm giá thành so với năm trước đối với những sản phẩm so sánh được; mức giảm giá thành so với giá thành kế hoạch đối với những sản phẩm mới; tổng mức giảm giá thành.

4. Lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách, trong đó có phần tích lũy bằng ngoại tệ nếu xí nghiệp có sản xuất sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia xuất khẩu.

5. Những vật tư chủ yếu do Nhà nước cung ứng (do các tổ chức trung ương hoặc do địa phương cung ứng) theo chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh.

Các chỉ tiêu pháp lệnh trên áp dụng cho các loại sản phẩm chủ yếu sản xuất bằng vật tư do Nhà nước cung ứng và do xí nghiệp tự kiếm được đăng ký trong kế hoạch. Đối với các sản phẩm khác các chỉ tiêu kê trên là những chỉ tiêu hướng dẫn; các xí nghiệp phải thực hiện những quy chế của Nhà nước về tiêu thụ sản phẩm và làm nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Ngoài ra, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao thêm cho xí nghiệp những chỉ tiêu hướng dẫn như ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, mức giảm tiêu hao vật tư của các sản phẩm chủ yếu, mức tăng năng suất lao động, v.v... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

d) Bảo vệ và nhận kế hoạch.

Xí nghiệp bảo vệ và nhận kế hoạch trước thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Khi bảo vệ kế hoạch, xí nghiệp phải trình bày rõ các căn cứ kinh tế — kỹ thuật, các nguồn vốn, các hợp đồng kinh tế về cung ứng vật tư, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

e) Xét duyệt hoàn thành và quyết toán kế hoạch.

Hội đồng xét duyệt hoàn thành kế hoạch phải tiến hành kịp thời, nghiêm túc, trung thực việc xét duyệt hoàn thành và quyết toán kế hoạch trên cơ sở kế hoạch đã được duyệt và giao cho xí nghiệp các hợp đồng kinh tế đã được ký với các tổ chức kinh tế khác để bảo đảm thực hiện kế hoạch và các điều kiện khách quan có ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch. Chống các hiện tượng báo cáo không trung thực tình hình và kết quả sản xuất — kinh doanh.

Việc xét duyệt phải có nội dung thiết thực, tránh hình thức, phiền hà và lãng phí cho xí nghiệp.

g) Bảo đảm hiệu lực của kế hoạch giao cho xí nghiệp.

— Các tổ chức cung ứng vật tư (kể cả các tổ chức nhập khẩu vật tư), vận tải, dịch vụ, sản xuất, ngân hàng... phải ra sức khắc phục khó khăn, bảo đảm cân đối đủ vật tư chủ yếu, những vật tư phù hợp quan trọng, vận tải, dịch vụ, tín dụng... theo chỉ tiêu pháp lệnh và hợp đồng đã ký, và tùy theo kết quả thực hiện kế hoạch mà được xí nghiệp trích thưởng hoặc phạt vật chất. Trước mắt, cần kiên quyết khắc phục ngay những hiện tượng cửa quyền, xóa bỏ những khâu trung gian vô dụng, những thủ tục gây phiền hà chậm trễ và những hiện tượng tiêu cực khác.

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương nghiên cứu trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quy định chế độ trách nhiệm của các cơ quan chức năng như kế hoạch, tài chính, giá cả... đối với kết quả thực hiện kế hoạch của xí nghiệp.

— Tăng cường hoạt động của trọng tài kinh tế trong quá trình ký và thực hiện hợp đồng kinh tế đi đôi với việc mở rộng phạm vi áp dụng và nâng cao chất lượng của hợp đồng kinh tế. Trọng tài kinh tế Nhà nước trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng ban hành vào cuối năm 1984 những quy định bổ sung cụ thể về chế độ hợp đồng kinh tế.

III. HẠCH TOÁN KINH TẾ

Hạch toán kinh tế đang là một khâu rất yếu, mang tính chất hình thức, không phản ánh đúng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Đề kết hợp kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, yêu cầu cấp bách là phải củng cố và tăng cường hạch toán kinh tế ở xí nghiệp theo các nguyên tắc:

— Bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước.

— Lấy thu nhập của xí nghiệp để bù đắp chi phí sản xuất và bảo đảm có lãi.

— Xí nghiệp được khuyến khích bằng lợi ích vật chất và phải chịu trách nhiệm vật chất về kết quả hoạt động của mình.

— Thực hiện việc giám đốc bằng đồng tiền đối với hoạt động sản xuất—kinh doanh của xí nghiệp.

Trước mắt, phải từng bước hạch toán đủ các chi phí sản xuất cần thiết vào giá

thành, thúc đẩy việc phấn đấu tăng năng suất, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đồng thời đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực, buông lỏng quản lý, vô trách nhiệm, bảo đảm xí nghiệp kinh doanh có lãi.

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm *thề chế hóa quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp*, xác định quyền hạn và trách nhiệm vật chất của xí nghiệp. Trên cơ sở đó, xí nghiệp xác định quyền hạn và trách nhiệm vật chất của phân xưởng, tổ, đội sản xuất, các đơn vị tổ chức và mỗi người lao động trong xí nghiệp.

2. Hoàn thiện các định mức kinh tế—kỹ thuật.

Trong năm 1984—1985, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ Lao động, các Bộ quản lý ngành, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, các đơn vị cơ sở soát lại các định mức hiện hành, tiến hành những bổ sung, sửa đổi cần thiết, xác định những định mức trung bình—tiên tiến cho từng ngành hoặc nhóm xí nghiệp dùng làm căn cứ đề xây dựng kế hoạch, cung ứng vật tư, hạch toán và đánh giá hiệu quả sản xuất—kinh doanh của cơ sở.

3. Chấn chỉnh việc hạch toán giá thành.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng Bộ Tài chính và Ủy ban Vật giá Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành chế độ giá thành trong tháng 12 năm 1984.

Năm 1985, tất cả các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh đều phải tính giá thành kế hoạch theo các định mức kinh tế—kỹ thuật đã ban hành, theo các

chế độ tài chính, giá cả của Nhà nước, và phải hạch toán nghiêm túc giá thành thực tế. Khi xét duyệt hoàn thành kế hoạch, phải phân tích, xem xét và xử lý thỏa đáng những khoản chênh lệch phát sinh giữa giá thành kế hoạch và giá thành thực tế, loại trừ các chi phí không hợp lý, không hợp lệ như chi phí tăng do vượt định mức kinh tế — kỹ thuật vì nguyên nhân chủ quan, do tự tiện nâng giá sai giá chỉ đạo của Nhà nước, các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi không đúng chế độ...

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các xí nghiệp từng bước tính đủ vào giá thành các chi phí tiền lương, khấu hao cơ bản và giá trị vật tư nhập khẩu, đồng thời nghiên cứu các biện pháp xử lý những nhân tố làm tăng giá thành. Trong khi chờ đợi các chính sách, chế độ mới, Hội đồng Bộ trưởng quy định tạm thời như sau:

a) Về giá vật tư đưa vào sản xuất.

— Vật tư do Nhà nước cung ứng phải được hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

— Vật tư do xí nghiệp tự kiếm (kể cả vật tư nhập khẩu) được hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá thực mua trong khung giá do cơ quan có thẩm quyền theo Điều lệ quản lý giá quy định.

b) Về khấu hao tài sản cố định.

— Bộ Tài chính cùng các ngành có liên quan khẩn trương tiến hành việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định vào năm 1985, và sửa lại chế độ trích khấu hao cho hợp lý hơn.

Trước mắt, thực hiện ngay các việc sau đây:

— Tăng tỷ lệ khấu hao sửa chữa lớn cho phù hợp với giá vật tư, phụ tùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

— Đối với những cơ sở sản xuất và đối với những sản phẩm có thể điều chỉnh giá bán buôn xí nghiệp cho phù hợp với mức tăng giá thành mà không ảnh hưởng nhiều đến giá bán buôn công nghiệp hay giá bán buôn vật tư thì tính đủ khấu hao cơ bản cần thiết theo đúng giá trị của tài sản cố định và thời gian khấu hao hợp lý hơn.

— Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn tham gia sản xuất thì vẫn tính khấu hao cơ bản vào giá thành sản phẩm; xí nghiệp được đưa tiền khấu hao này vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp, không phải nộp vào ngân sách.

— Tài sản cố định chưa khấu hao hết mà đã bị hư hỏng không tham gia sản xuất thì xí nghiệp vẫn phải trích khấu hao nhưng không được tính vào giá thành mà lấy từ lợi nhuận của xí nghiệp.

c) Hạch toán đầy đủ tiền lương và giá thành.

d) Bộ Tài chính điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế hiện nay các định mức tiêu chuẩn các khoản trong chi phí quản lý chung của phân xưởng, chi phí quản lý xí nghiệp.

4. Từ năm 1985 phải khôi phục và thực hiện thường xuyên công tác hạch toán kinh tế nội bộ xí nghiệp:

— Ở phân xưởng, bao gồm hạch toán sản xuất, vật tư, thiết bị, máy móc, lao động, tiền lương và kết quả thực hành tiết kiệm.

0962382
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LAWSONIT

— Ô tô, đội sản xuất, bao gồm hạch toán sản xuất, vật tư, lao động, tiền lương.

— Đối với nhóm và từng người lao động, bao gồm hạch toán theo kết quả thực hiện các định mức, khoán sản phẩm hay khoán việc.

5. Thực hiện nghiêm túc chế độ kế toán Nhà nước, chế độ ghi chép ban đầu, chế độ thanh tra, kiểm tra Nhà nước, và chế độ quyết toán về tài chính và vật tư.

Tổng cục Thống kê và Bộ Tài chính trình Hội đồng Bộ trưởng thông qua vào cuối năm 1984 những sửa đổi về chế độ kế toán và thống kê công nghiệp phù hợp với cơ chế quản lý mới; sửa lại các mẫu biểu sao cho đầy đủ nhưng phải thiết thực và đơn giản.

6. Thực hiện thường xuyên việc phân tích hoạt động kinh tế ở xí nghiệp, phân xưởng, tổ đội sản xuất, đối chiếu với các chỉ tiêu kế hoạch, các định mức kinh tế— kỹ thuật, các chế độ thề lệ quản lý kinh tế— tài chính; chú ý cả ba mặt năng suất, chất lượng, hiệu quả.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ TÀI CHÍNH

1. Tài chính xí nghiệp.

Bộ Tài chính sửa đổi một số chế độ để tạo điều kiện cho xí nghiệp thực hiện được đầy đủ quyền tự chủ tài chính, cụ thể là:

a) Tạo điều kiện cho xí nghiệp có đủ vốn cần thiết cho hoạt động sản xuất— kinh doanh, bao gồm:

Vốn tự có. Xí nghiệp được xây dựng và mở rộng vốn tự có từ các nguồn:

— Vốn do ngân sách cấp theo chế độ hiện hành, gồm vốn cố định và vốn lưu động.

— Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất.

— Phần trích khấu hao cơ bản để lại cho xí nghiệp.

— Tiền trích khấu hao cơ bản những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng được và vẫn tham gia sản xuất; những tài sản cố định đầu tư bằng vốn tự có của xí nghiệp hoặc bằng vốn vay của ngân hàng.

— Nguồn vốn ngoại tệ được quyền sử dụng.

— Các nguồn thu khác do chế độ Nhà nước quy định.

Vốn tự có năm trước được chuyển sang năm sau, không phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản các công trình lớn, các công trình đặc biệt thì do ngân sách Nhà nước cấp phát. Các công trình xây dựng nhỏ, đầu tư chiều sâu thì xí nghiệp đầu tư bằng nguồn vốn tự có của mình, nếu thiếu thì vay ngân hàng.

Vốn lưu động. Đối với các xí nghiệp mới đưa vào sản xuất, Nhà nước cấp 50% vốn lưu động định mức, còn lại xí nghiệp vay ngân hàng. Hàng năm xí nghiệp phải dùng một phần vốn tự có để bổ sung vào vốn lưu động. Trường hợp có thay đổi nhiệm vụ sản xuất, giá vật tư, tiền lương mà vốn tự có của xí nghiệp không đủ thì Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ chủ quản phải kịp thời xác định lại vốn lưu động định mức cho xí nghiệp.

b) Bộ Tài chính sớm trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành một số chế độ:

— Chế độ để lại tiền trích khấu hao cơ bản cho xí nghiệp dùng vào việc duy trì năng lực sản xuất của tài sản cố định và đổi mới kỹ thuật. Tùy theo tính chất

của tài sản cố định và yêu cầu đổi mới kỹ thuật của từng xí nghiệp, có thể để lại một phần hay toàn bộ do Bộ Tài chính cùng với Bộ chủ quản quy định cụ thể.

— Chế độ thu lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp.

— Cải tiến chế độ thu quốc doanh theo tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương.

— v.v...

2. Tín dụng.

Ngân hàng Nhà nước phải kịp thời xem xét nhu cầu hợp lý của xí nghiệp và cho xí nghiệp vay vốn lưu động để bảo đảm sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh việc cho các xí nghiệp vay vốn cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, mở rộng sản xuất, khai thác vật tư. Chú ý ưu tiên cho vay các trường hợp đầu tư có hiệu quả và thu hồi vốn nhanh.

Ngân hàng phải định lại mức tiền mặt tồn quỹ hợp lý, quy định lại chế độ cho vay và rút tiền mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của xí nghiệp để mở rộng sản xuất kinh doanh theo cơ chế quản lý mới. Giữa xí nghiệp và ngân hàng phải có kế hoạch và hợp đồng về nộp và rút tiền mặt để bảo đảm sản xuất, kinh doanh, nhất là để thu mua các loại nguyên liệu có tính chất thời vụ. Xí nghiệp phải thực hiện đúng chế độ nộp tiền mặt, không được vi phạm chế độ quản lý tiền mặt của Nhà nước; ngân hàng phải đáp ứng kịp thời những nhu cầu chính đáng về tiền mặt của xí nghiệp, không được cửa quyền, gây phiền hà cho xí nghiệp.

Cải tiến nghiệp vụ tín dụng, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho xí nghiệp khi vay vốn, vừa bảo đảm quản lý việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

Ngân hàng Nhà nước cho vay ngoại tệ đối với các xí nghiệp có điều kiện trả được nợ để nhập vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng, máy móc, thiết bị cho việc mở rộng sản xuất và cải tiến kỹ thuật, sản xuất sản phẩm xuất khẩu, sản xuất các mặt hàng thay thế hàng nhập khẩu; xí nghiệp phải trả nợ cả vốn lẫn lãi bằng ngoại tệ cho ngân hàng.

Các xí nghiệp được Hội đồng Bộ trưởng cho phép, bảo đảm trả nợ đúng hạn và có lãi bằng ngoại tệ, được trực tiếp vay vốn của nước ngoài với sự bảo lãnh của Ngân hàng Nhà nước để nhập vật tư, thiết bị cho phát triển sản xuất, được lập quỹ ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước, được sử dụng quỹ này theo đúng thể lệ Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Ngân hàng Nhà nước phát huy vai trò trung tâm thanh toán để thúc đẩy tăng nhanh luân chuyển vốn trong nền kinh tế quốc dân, góp phần giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau, công nợ dây dưa giữa các đơn vị kinh tế. Trường hợp để quá thời hạn, ngân hàng sẽ thông báo cho xí nghiệp chiếm dụng vốn biết và được quyền khấu trừ vào nguồn vốn tự có của xí nghiệp đó để chuyển trả cho xí nghiệp bị chiếm dụng vốn.

3. Giá cả.

a) Các xí nghiệp phải tính giá thành theo những nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất quy định ở phần hạch toán kinh tế.

b) Thực hiện chế độ giá bán buôn xí nghiệp đối với tất cả các sản phẩm của các xí nghiệp "quốc doanh, công tư hợp doanh do Trung ương và địa phương quản lý.

Giá bán buôn xí nghiệp được quy định trên cơ sở giá thành hợp lý cộng với lãi định mức được quy định tại điểm 4.

Giá thành làm căn cứ xác định giá bán buôn xí nghiệp được tính toán theo định mức trung bình — tiên tiến về tiêu hao vật chất và hao phí lao động do cấp có thẩm quyền xét duyệt được quy định phân biệt theo:

— Điều kiện sản xuất của từng xí nghiệp hoặc nhóm xí nghiệp có trình độ sản xuất tương tự nhau.

— Vật tư dùng vào sản xuất được Nhà nước cung ứng hay xí nghiệp tự kiểm bổ sung.

c) Về giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp thực hiện như Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

• — Những sản phẩm quan trọng phải theo giá chỉ đạo.

— Những sản phẩm khác thì theo giá linh hoạt trong khung giá hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền và được quy định theo sự phân công, phân cấp quản lý giá của Nhà nước.

Các xí nghiệp sản xuất giao sản phẩm cho liên hiệp các xí nghiệp cung ứng, tổng công ty và công ty thương nghiệp quốc doanh... được thanh toán theo giá bán buôn xí nghiệp. Chênh lệch giữa giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp là khoản thu quốc doanh được nộp ngay và đủ vào ngân sách Nhà nước khi sản phẩm được chuyển từ khâu sản xuất sang khâu lưu thông. Xí nghiệp có nhiệm vụ thu và nộp thay cho tổ chức tiêu thụ khoản chênh lệch giá này vào Ngân sách

Nhà nước khi giao sản phẩm cho các tổ chức tiêu thụ. Nếu giá tiêu thụ sản phẩm do Nhà nước quy định thấp hơn giá bán buôn xí nghiệp đã được duyệt thì Ngân sách Nhà nước bù lỗ cho khâu lưu thông. Trường hợp xí nghiệp bán trực tiếp cho hộ tiêu dùng phải thực hiện theo giá và chế độ thu quốc doanh do Nhà nước quy định, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về tài khoản và thủ tục kế toán.

Đối với các khoản thu chênh lệch giá khác (nếu có), Bộ Tài chính và Ủy ban Vật giá Nhà nước sẽ quy định cụ thể phần nộp vào Ngân sách Nhà nước và phần dành lại cho xí nghiệp.

Các xí nghiệp phải lập phương án giá và làm đúng những thủ tục trình xin duyệt giá theo Điều lệ quản lý giá. Các cơ quan vật giá phải duyệt giá kịp thời cho các xí nghiệp chậm nhất là 30 ngày, nếu là sản phẩm và nguyên liệu thời vụ thì 15 ngày, kể từ khi nhận được phương án giá đúng thể thức và nội dung quy định. Quá hạn đó, xí nghiệp được quyền mua bán theo giá đã đề nghị trong phương án.

Các xí nghiệp phải chấp hành đúng Điều lệ quản lý giá của Nhà nước.

4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

a) Lợi nhuận định mức được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá thành hợp lý được duyệt và được quy định cho các nhóm ngành như sau:

— Từ 15 đến 20% cho các ngành khai thác mỏ; khai thác dầu khí; thăm dò khảo sát địa chất.

— Từ 13 đến 18% cho các ngành khai thác lâm sản, hải sản; khai thác đá, cát, sỏi; luyện kim; cơ khí chế tạo.

— Từ 10 đến 15% cho các ngành hóa chất cơ bản, phân bón hóa học; thuốc trừ sâu; vật liệu xây dựng loại nung; sành sứ, thủy tinh; hóa dược.

— Từ 7 đến 12% cho các ngành điện lực; giấy; da; may; in sách báo.

— Từ 5 đến 10% cho các ngành hóa chất tiêu dùng; dệt, nhuộm; công nghiệp thực phẩm; văn hóa phẩm; các ngành công nghiệp khác.

Bộ Tài chính chủ trì cùng với Ủy ban Vật giá Nhà nước và các ngành có liên quan quy định tỷ lệ cụ thể cho từng ngành và cho từng sản phẩm trong mỗi ngành, hướng dẫn các Bộ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quy định tỷ lệ lợi nhuận định mức cho các sản phẩm khác theo sự phân cấp quản lý giá của Nhà nước.

Lợi nhuận định mức của sản phẩm sản xuất bằng vật tư do xí nghiệp tự kiểm có đăng ký trong kế hoạch được xác định bằng lợi nhuận định mức theo số tiền tuyệt đối của sản phẩm cùng loại do Nhà nước cung ứng vật tư.

b) Lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp được phân phối như sau:

— Đối với những sản phẩm trong chỉ tiêu pháp lệnh:

Nếu là sản phẩm do Nhà nước cung ứng vật tư thì để lại xí nghiệp 50% và nộp ngân sách (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) 50%.

Nếu do xí nghiệp tự kiểm vật tư thì để lại xí nghiệp từ 60% đến 80% và nộp ngân sách (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) từ 20% đến 40%. Bộ Tài chính cùng với Bộ chủ quản quy định mức cụ thể cho từng ngành công

ng nghiệp và tùy theo đăng ký từ đầu năm hay bổ sung trong quá trình thực hiện kế hoạch...

— Đối với những sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh thì sau khi nộp thuế và thu quốc doanh, lợi nhuận thu được dùng để lập ba quỹ của xí nghiệp.

Lợi nhuận để lại xí nghiệp sau khi thanh toán các khoản nộp bắt buộc như phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nợ ngân hàng quá hạn, chi trả các khoản bất hợp lý, bất hợp lệ không được hạch toán vào giá thành..., số còn lại (coi như 100%) được phân phối cho các quỹ theo tỷ lệ sau đây:

Trích cho quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và bổ sung vốn lưu động định mức tối thiểu từ 35% đến 40% tùy theo ngành sản xuất và không hạn chế mức tối đa; trong đó dành từ 1 đến 3% để lập quỹ dự trữ tập trung ở liên hiệp các xí nghiệp hoặc Bộ, Sở.

Số còn lại, sau khi đã dành 1% để lập quỹ Bộ trưởng (và Tổng giám đốc liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty nếu có) là để lập quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng. Giám đốc xí nghiệp cùng với công đoàn quyết định tỷ lệ trích cho mỗi quỹ theo hướng khoảng 1/3 cho quỹ phúc lợi và khoảng 2/3 cho quỹ khen thưởng.

Nếu quỹ khen thưởng vượt quá 30% của quỹ lương cơ bản thì xí nghiệp phải nộp một tỷ lệ phần trăm theo lũy tiến từng phần vào ngân sách Nhà nước, theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính.

Toàn bộ quỹ phúc lợi để lại cho xí nghiệp do công đoàn cơ sở cùng với giám đốc lập phương án sử dụng, đưa ra hội nghị công nhân viên chức thảo luận và

quyết định. Tổng công đoàn và Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng quỹ phúc lợi của xí nghiệp.

Chế độ phân phối lợi nhuận trên đây áp dụng cho các xí nghiệp đã thực hiện chế độ giá bán buôn xí nghiệp. Đối với những xí nghiệp chưa thực hiện giá bán buôn xí nghiệp như đã quy định ở trên (điểm 3 — giá cả) thì xí nghiệp chỉ được trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa từ 10 đến 15% quỹ lương cơ bản, quỹ khuyến khích phát triển sản xuất theo sự quy định của Bộ Tài chính; phần lợi nhuận còn lại, sau khi đã trừ các khoản nộp bắt buộc không được hạch toán vào giá thành, phải nộp cả vào ngân sách.

5. Lao động, tiền lương.

Bộ Lao động cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn các Bộ, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo các xí nghiệp làm tốt các việc:

Mở rộng chế độ khoán sản phẩm trong công nghiệp. Trên cơ sở kế hoạch của xí nghiệp được cơ quan quản lý cấp trên duyệt, xí nghiệp khoán cho phân xưởng (phòng, ban), phân xưởng khoán cho tổ, đội sản xuất. Hình thức khoán cho tập thể tổ, đội là hình thức cơ bản; tùy tình hình cụ thể, tổ, đội khoán cho từng cá nhân.

Về định mức lao động. Soát lại các định mức hiện có và xây dựng các định mức còn thiếu, trước hết là đối với các sản phẩm trọng yếu; căn cứ vào định mức trung bình — tiên tiến, cần điều chỉnh, bổ sung và xây dựng lại cho phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế hiện nay, bảo đảm mọi sản phẩm đều có định mức lao động được cấp có thẩm quyền duyệt.

Đơn giá tiền lương cho một đơn vị sản phẩm hoặc mức chi phí tiền lương cho 1000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa được xây dựng trên cơ sở định mức lao động và tiêu chuẩn chất lượng được quản lý chặt chẽ, và theo chính sách tiền lương bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

Bộ Lao động cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xét duyệt định mức lao động và đơn giá tiền lương cho một đơn vị sản phẩm trong danh mục sản phẩm trọng yếu.

Quỹ lương kế hoạch của xí nghiệp được xây dựng trên cơ sở đơn giá tiền lương cho một đơn vị sản phẩm (hoặc mức chi phí tiền lương cho 1000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa) và chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện và sản phẩm giao nộp.

Hàng tháng xí nghiệp được ứng lương theo quỹ lương kế hoạch; hàng quý thanh toán quỹ lương; cuối năm xí nghiệp quyết toán quỹ lương theo giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện và sản phẩm giao nộp (có tính đến chênh lệch cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm tồn kho và bán thành phẩm đối với sản phẩm có chu kỳ sản xuất dài) để tăng, giảm quỹ lương. Trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch thì xí nghiệp được nhận thêm tiền lương tương ứng; nếu không hoàn thành kế hoạch thì bị giảm quỹ lương tương ứng; khi xét giảm quỹ lương phải xem xét kỹ các nguyên nhân để xử lý thỏa đáng. Nếu vì lý do chủ quan thì xí nghiệp phải trích từ quỹ khen thưởng của mình hoặc phải vay của ngân hàng để trả ngân hàng số tiền lương đã được ứng trước vượt mức (Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể).

Trong phạm vi quỹ lương và thưởng nhận được, giám đốc xí nghiệp được quyền áp dụng các hình thức trả lương và thưởng thích hợp để gắn tiền lương, tiền thưởng với kết quả sản xuất và lợi nhuận.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cùng với Bộ Tài chính và Bộ Lao động tổng kết kinh nghiệm thí điểm về việc giao cho xí nghiệp quản lý cấp phát tem phiếu một số mặt hàng thiết yếu cung cấp cho công nhân viên theo số lượng, chất lượng lao động và theo năng suất lao động.

Giám đốc được quyền tuyển chọn lao động vào làm việc tại xí nghiệp và cho thôi việc theo chế độ quy định của Nhà nước để đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Công nhân, viên chức có quyền xin thôi việc nếu có lý do chính đáng và đúng chế độ Nhà nước quy định. Mở rộng hình thức làm việc theo hợp đồng. Bộ Lao động nghiên cứu và làm thí điểm chế độ hợp đồng lao động tại xí nghiệp để trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

6. Khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu.

Lợi nhuận định mức của những sản phẩm đã thực sự được xuất khẩu cao hơn so với lợi nhuận định mức của sản phẩm cùng loại làm ra để tiêu thụ trong nước từ 10 đến 20%.

Các xí nghiệp có sản xuất sản phẩm xuất khẩu được hưởng quyền sử dụng ngoại tệ theo quy định hiện hành và có quỹ ngoại tệ phục vụ cho phát triển sản xuất.

Bộ Ngoại thương và Bộ Tài chính nghiên cứu quy định việc phân phối lại

quyền sử dụng ngoại tệ và lợi nhuận này cho các đơn vị tham gia quá trình sản xuất những mặt hàng đã xuất khẩu được.

Sản phẩm sản xuất ra để thay thế các mặt hàng lâu nay phải nhập khẩu, nếu đạt tiêu chuẩn chất lượng cũng được lãi suất khuyến khích như đối với các mặt hàng xuất khẩu trong thời gian từ 1 đến 2 năm, tùy theo mặt hàng và do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quyết định. Bộ, Tổng cục hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ vào yêu cầu của xí nghiệp đề nghị lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng dành cho xí nghiệp một phần ngoại tệ để đổi mới trang thiết bị và nhập vật tư cần thiết cho sản xuất.

Các xí nghiệp sản xuất mặt hàng xuất khẩu với số lượng lớn, có kế hoạch ổn định và được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép, được giao dịch trực tiếp với thị trường ngoài nước và được thành lập tổ chức chuyên lo công tác xuất nhập khẩu hoặc được phép liên doanh với các công ty nước ngoài dưới sự quản lý thống nhất về mặt quản lý Nhà nước của Bộ Ngoại thương.

7. Khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao chất lượng sản phẩm; thực hành tiết kiệm.

Nếu xí nghiệp ứng dụng thành công các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát minh sáng kiến, cải tiến tổ chức sản xuất và quản lý, nhờ đó mà tạo ra được những mặt hàng mới, tiết kiệm được chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế thì được hưởng phần tiết kiệm đạt được trong thời gian từ 1 đến 2 năm, kể từ khi sản xuất đã ổn

định, đề bổ sung cho các quỹ xí nghiệp và đề thưởng cho các cá nhân, tập thể trong và ngoài xí nghiệp đã tham gia việc đó.

Những xí nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm so với tiêu chuẩn quy định của Nhà nước thì được phụ giá tương ứng; nếu không đạt tiêu chuẩn chất lượng thì bị hạ giá tương ứng, và tùy theo từng loại sản phẩm có thể không được phép tiêu thụ và tiếp tục sản xuất. Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước hướng dẫn cụ thể.

Bộ Tài chính dựa vào nguyên tắc nói trên hướng dẫn cụ thể chế độ thưởng.

8. Cải tiến cung ứng và quản lý vật tư.

a) Bộ Vật tư nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng:

— Đề án chuyển từ phương thức cung ứng vật tư theo kiểu bao cấp hiện nay sang phương thức kinh doanh vật tư theo hạch toán kinh tế, mở rộng kinh doanh ngoài diện vật tư Nhà nước thống nhất quản lý và phân phối, đáp ứng yêu cầu mở rộng quyền chủ động trong sản xuất—kinh doanh của cơ sở.

— Những bổ sung cần thiết về chế độ quản lý các loại phế liệu, phế phẩm để tận dụng có hiệu quả nhất những vật tư này.

b) Bộ Vật tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý sản xuất có những biện pháp bảo đảm cung ứng vật tư đúng số lượng, chất lượng, giá cả, địa điểm, thời gian theo kế hoạch và hợp đồng, giảm chi phí vận chuyển, bốc xếp,

giảm hao hụt mất mát, ngăn chặn tệ hối lộ, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng.

Thực hiện chế độ thưởng, phạt đối với các tổ chức cung ứng và vận tải theo kết quả thực hiện hợp đồng.

c) Tiếp tục đơn đốc các ngành, các địa phương và cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ quyết toán vật tư theo định mức tiêu hao vật tư và theo sản lượng thực tế đã tạo ra.

9. Tiêu thụ sản phẩm.

Sản phẩm của xí nghiệp sản xuất ra đều phải bảo đảm tiêu thụ và phải giao theo kế hoạch Nhà nước và theo hợp đồng kinh tế cho các tổ chức lưu thông hàng hóa và vật tư của Nhà nước hoặc cho các hộ tiêu thụ được nhận trực tiếp từ xí nghiệp. Những sản phẩm tươi sống, mau hỏng, khó vận chuyển, những tư liệu sản xuất chuyên dùng cho một số ngành, những sản phẩm xuất khẩu... thì cần mở rộng hình thức xí nghiệp giao trực tiếp cho các hộ tiêu thụ.

Xí nghiệp được sử dụng một phần sản phẩm làm bằng vật tư tự kiếm và sản phẩm của sản xuất phụ đề đối lưu lấy vật tư cho sản xuất, nhưng phải có kế hoạch được cơ quan quản lý cấp trên duyệt; được mua lại theo giá bán buôn công nghiệp một tỷ lệ sản phẩm của sản xuất phụ đề bán cho công nhân, viên chức sử dụng nếu có nhu cầu cần thiết; mức độ cụ thể do Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quyết định và phải đưa vào kế hoạch của xí nghiệp, hết sức tránh để sản phẩm qua con đường này lọt ra thị trường gây khó khăn cho việc quản lý thị trường.

Các tổ chức tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp có trách nhiệm nhận hàng đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng. Nếu trễ quá hạn thì xử lý theo hợp đồng đã ký, xí nghiệp được tiêu thụ cho các cơ quan, xí nghiệp khác (nhất là đối với các sản phẩm tươi sống, khó bảo quản); bên tiêu thụ phải bồi thường cho bên cung ứng những thiệt hại do việc nhận chậm gây ra (trừ sản phẩm xuất khẩu sẽ có quy định riêng).

Cho phép các xí nghiệp có đủ điều kiện mở cửa hàng giới thiệu sản phẩm mới, bán một số sản phẩm của sản xuất phụ có sự thỏa thuận của ngành nội thương; mở các cơ sở dịch vụ để sửa chữa những sản phẩm do xí nghiệp sản xuất ra, nhưng phải chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về tổ chức lưu thông hàng hóa và dịch vụ.

V. CHẤM CHỈNH BỘ MÁY QUẢN LÝ; TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NHÂN KỸ THUẬT

1. Thực hiện đầy đủ ở xí nghiệp cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý phù hợp với cơ chế quản lý mới. Đi đôi với mở rộng quyền chủ động sáng tạo, quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp, phải bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quyền quản lý của giám đốc và của cơ quan quản lý cấp trên, và sự tham gia của tập thể vào những chủ trương lớn của xí nghiệp, phải tăng cường việc kiểm tra, giám sát của công nhân, viên chức đối với mọi hoạt động của xí nghiệp và giám đốc.

Đảng ủy cơ sở phải lãnh đạo các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, các

tập thể lao động, giáo dục đảng viên, quần chúng làm tròn trách nhiệm của mình và kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của thủ trưởng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng Chính phủ về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức tại các đơn vị cơ sở sản xuất — kinh doanh của Nhà nước đã được ban hành theo nghị định số 182-CP ngày 26-4-1979. Giám đốc xí nghiệp cùng với công đoàn, triệu tập hội nghị đại biểu công nhân, viên chức (hoặc hội nghị toàn thể) để tham gia và giám sát công tác quản lý theo đúng Luật Công đoàn và quyết định của Hội đồng Bộ trưởng.

Giám đốc xí nghiệp là người được Nhà nước bổ nhiệm, có tham khảo ý kiến của công nhân viên chức xí nghiệp. Giám đốc thay mặt Nhà nước quản lý xí nghiệp, là người chỉ huy cao nhất và chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước cấp trên trực tiếp về mọi mặt hoạt động, về kết quả sản xuất — kinh doanh, về việc bảo vệ xí nghiệp và về đời sống của công nhân viên chức. Các mệnh lệnh chỉ huy của giám đốc phải được mọi cán bộ, công nhân viên chức trong xí nghiệp nghiêm chỉnh chấp hành.

Giám đốc thực hiện các mối quan hệ với Công đoàn và Đoàn thanh niên theo đúng Luật và quy định của Nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ công đoàn và đoàn thanh niên.

Tổ chức hội đồng xí nghiệp ở các xí nghiệp. Hội đồng xí nghiệp là cơ quan tư vấn của giám đốc xí nghiệp, có quyền thảo

luận những dự án kế hoạch, những chủ trương, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân...

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cùng Tổng Công đoàn Việt Nam và Ban công nghiệp Trung ương xây dựng quy chế hội đồng xí nghiệp và trình Hội đồng Bộ trưởng xét, ban hành vào cuối năm 1984.

2. Các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố phải soát xét lại và bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới những chính sách, chế độ, bộ máy tổ chức, điều lệ, nội quy công tác cho phù hợp với cơ chế quản lý mới; nâng cao kỷ luật quản lý, nhất là chế độ ra quyết định và thực hiện quyết định, chế độ báo cáo và phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật các trường hợp cố tình báo cáo sai sự thật.

Từng xí nghiệp tiến hành cụ thể hóa chức danh tiêu chuẩn của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong đơn vị. Làm tốt công tác quy hoạch và chuẩn bị cán bộ dự bị.

Các Bộ, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố lựa chọn các cán bộ giỏi làm tổng giám đốc liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty, giám đốc các xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và công ty quan trọng.

3. Tăng cường và nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, nhất là các cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phải tổ chức tốt các lớp chuyên bồi dưỡng tổng giám đốc liên hiệp các xí nghiệp và giám đốc các xí nghiệp lớn.

Thực hiện việc luân lượt bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế cho tất cả các cán bộ lãnh đạo xí nghiệp đương chức,

thông qua các lớp học ngắn hạn và theo định kỳ từ 3 đến 5 năm một lần.

Các Bộ và Tổng cục quản lý công nghiệp thường xuyên bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật những kiến thức mới về tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành.

Các Bộ, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có kế hoạch kết hợp đào tạo công nhân kỹ thuật tại các trường chính quy với việc đào tạo theo kiểu kèm cặp, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề tại cơ sở sản xuất.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành ở trung ương, địa phương phải tăng cường và củng cố cơ sở, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng tại cơ sở quán triệt nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) và nghị quyết này của Hội đồng Bộ trưởng, thấy nhiệm vụ cải tiến quản lý là nghĩa vụ và quyền lợi thiết thân của mình, và ra sức thực hiện một cách chủ động, tích cực, tự giác và có kết quả tốt.

2. Các Bộ tổng hợp căn cứ vào những quy định trên đây trong tháng 12 năm 1984 phải ra các văn bản cần thiết để hướng dẫn các xí nghiệp thực hiện. Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ để việc hướng dẫn được thống nhất và đồng bộ. Các văn bản hướng dẫn của các Bộ phải gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương góp ý kiến trước khi ban hành.

3. Dựa vào nghị quyết này và chương trình kế hoạch thực hiện nghị quyết của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, các cơ quan và các ngành phục vụ

phải có chương trình cụ thể để thực hiện nghị quyết này, trong đó quy định rõ những nhiệm vụ mà mình và cấp dưới trực tiếp phải thực hiện, thời gian phải hoàn thành. Các Bộ, Tổng cục phải tập trung chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết này tại các cơ sở công nghiệp quốc doanh trọng điểm, từ đó mà rút kinh nghiệm và hoàn thiện cơ chế quản lý công nghiệp.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1985 và thay cho quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ và quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng quy định trước đây về quản lý công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 1984

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 168-HĐBT ngày 17-12-1984 về việc đổi tên một số huyện thuộc tỉnh Minh Hải.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980 ;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Minh Hải và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay đổi tên huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiến thuộc tỉnh Minh Hải như sau :

a) Đổi tên huyện Năm Căn thành huyện Ngọc Hiến.

b) Đổi tên huyện Ngọc Hiến hiện nay thành huyện Đầm Dơi.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Minh Hải và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 1984

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 170-HĐBT ngày 18-12-1984 về việc chuyển tỉnh lỵ tỉnh Minh Hải về thị xã Cà Mau.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980 ;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Minh Hải và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Chuyển tỉnh lỵ tỉnh Minh Hải từ thị xã Bạc Liêu về thị xã Cà Mau.

09663842

LawSofc * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com